|  |
| --- |
| **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do- Hạnh phúc |
|  |

**HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC MUA BÁN VẬT LIỆU XÂY DỰNG**

**Số: ……………**

*- Căn cứ vào Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 đươc Quốc hội nước Công hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015;*

*- Căn cứ vào Luật thương mại số 36/2005/QH11 của Quốc hội nước Công hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005;*

*- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên,*

Hôm nay ngày ….. tháng …… năm ….., tại :…………………………………………

…………………………………………………………………… chúng tôi gồm có:

**1.              Bên Bán**:……………………………………………………………………

Địa chỉ       : …………………………………………………………………..

Đại diện     :   ……………………                           Chức vụ:…………………..

Điện thoại :  …………………                                  Fax: ……………………….

Số tài khoản          :  …………………

Mã số thuế :  ……………………….

*Sau đây gọi tắt là Bên A*

**2.              Bên Mua**:……………………………………………………………………

Địa chỉ       : …………………………………………………………………..

Đại diện     :  ……………………                              Chức vụ:…………………..

Điện thoại :  …………………                                  Fax: ……………………….

Số tài khoản          :  …………………

Mã số thuế :  ……………………….

*Sau đây gọi tắt là Bên B*

**XÉT RẰNG:**

- Bên A là một doanh nghiệp Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực cung cấp vật liệu xây dựng tại Việt Nam, có khả năng cung cấp vật liệu xây dựng với số lượng lớn đáp ứng nhu cầu của bên B;

- Bên B là một doanh nghiệp Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực ………….. có nhu cầu về vật liệu xây dựng;

Sau khi thỏa thuận, hai Bên cùng đồng ý ký kết Hợp đồng nguyên tắc về việc cung cấp vật liệu xây dựng cho bên B (sau đây gọi là “**Hợp đồng**”) với các điều khoản sau:

**Điều 1: HÀNG HÓA – GIÁ CẢ - SỐ LƯỢNG – CHẤT LƯỢNG**

1.1. Bên A đồng ý bán, Bên B đồng ý mua hàng hóa với nội dung như sau :

- Loại hàng, số lượng : khi có nhu cầu về loại hàng hoá, số lượng thì Bên B phải gửi bảng kê chi tiết về từng loại hàng và số lượng hàng đến Bên A bằng văn bản, fax hoặc mail
 - Chất lượng      : Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

1.2. Đơn giá và giá trị hợp đồng:

 - Đơn giá và giá trị hợp đồng được tính theo đồng Việt Nam (VNĐ).

 - Đơn giá có thể thay đổi theo từng thời điểm giao hàng, được thông báo bằng văn bản của bên bán và có sự chấp thuận của bên mua bằng văn bản.

**Điều 2: ĐIỀU KHOẢN GIAO NHẬN**

2.1. Khi có nhu cầu, Bên B thông báo Đơn đặt hàng bằng văn bản gởi cho Bên A trong đó nêu rõ số lượng, quy cách, chủng loại hàng hóa, đơn giá, điều kiện giao nhận, thời gian giao nhận hàng và điều kiện thanh toán. Đơn đặt hàng phải gửi cho Bên A trước ít nhất từ 01 (một) đến 02 (hai) ngày đối với từng đợt mua hàng cụ thể.

2.2. Trên cơ sở đơn đặt hàng của Bên B và khả năng cung cấp hàng, Bên A sẽ xác nhận và thông báo lịch giao hàng. Trong trường hợp có bất kỳ sự thay đổi nào, Hai bên sẽ thảo luận và thống nhất lịch giao hàng khác. Đơn đạt hàng bằng văn bản và qua fax, mail được xem là một bộ phận không tách rời của hợp đồng và có giá trị như hợp đồng.

2.3. Phương thức giao nhận:

        - Địa điểm giao hàng       : Sẽ do Bên B thông báo cụ thể cho Bên A vào thời điểm đặt hàng.

        - Thời gian giao hàng       : Thỏa thuận theo từng đơn hàng cụ thể nhưng không quá 10 ngày kể từ ngày đặt hàng.

        - Chi phí vận chuyển       : Do bên A chịu.

2.4. Số lượng hàng giao thực tế sẽ căn cứ theo biên bản giao nhận có xác nhận của Hai Bên.

2.5. Khi nhận hàng, Bên B phải kiểm nhận số lượng, chủng loại, quy cách, phẩm chất hàng hóa. Nếu phát hiện hàng thiếu hoặc không đúng theo hợp đồng thì Hai Bên cùng lập biên bản xác nhận.

2.6. Bên A cung cấp các tài liệu liên quan đến hàng hóa và hóa đơn thuế GTGT. Trong thời gian 05 (năm) ngày kể từ ngày giao hàng, nếu Bên B không có yêu cầu chỉnh sửa thì xem như Bên B đã đồng ý với số lượng và tổng trị giá trên hóa đơn.

**Điều 3: ĐIỀU KHOẢN THANH TOÁN**

3.1. Bên B thanh toán cho Bên A bằng tiền Việt Nam đồng theo hình thức tiền mặt, chuyển khoản.

3.2. Thời hạn thanh toán: Bên B sẽ thanh toán tiền cho bên A trong vòng 05 ngày tiếp theo kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.( Hóa đơn GTGT, Phiếu nhập kho của Bên B, Phiếu giao nhận hàng và Bảng kê khối lượng hàng đã giao) hoặc theo thỏa thuận trên Báo giá, Phụ lục hợp đồng (nếu có).

3.3. Vào cuối mỗi tháng, Hai Bên lập Biên bản đối chiếu công nợ để xác nhận số dư nợ gốc, lãi phạt chậm thanh toán và các khoản phát sinh khác (nếu có). Biên bản này làm cơ sở cho những đợt thanh toán tiếp theo hoặc làm cơ sở để giải quyết tranh chấp (nếu có). Việc xác nhận công nợ phải được thực hiện xong trước ngày 20 (hai mươi) của tháng tiếp theo. Nếu quá thời hạn trên, Bên B không xác nhận công nợ thì xem như Bên B chấp nhận số liệu do Bên A đưa ra.

**ĐIỀU 4 : CHỨNG TỪ THANH TOÁN**

- Giấy đề nghị thanh toán
- Hóa đơn GTGT bản chính và Bảng thống kê số lượng hàng hóa.
- Phiếu giao nhận hàng hóa và Phiếu nhập kho của Bên B.

**ĐIỀU 5 : TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA CÁC BÊN**

**5.1**       Trách nhiệm của Bên A

- Giao hàng tại đúng quy cách, chủng loại, số lượng và thời gian theo từng Đơn đặt hàng cụ thể, Bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc cung cấp không đúng yêu cầu chủng loại, chất lượng theo Đơn đặt hàng.

- Tự chịu các chi phí phát sinh trong trường hợp vật liệu bị trả lại (Bên B có lý do chính đáng)

- Có trách nhiệm giao lại lô hàng khác cho Bên B đúng như thỏa thuận trong trường hợp hàng giao không đúng chất lượng, số lượng, quy cách hàng hóa (căn cứ Biên bản giao nhận hàng hóa có xác nhận của đại diện hai Bên).

- Cung cấp và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của các hóa đơn, chứng từ liên quan đến việc bán hàng hóa và dịch vụ cho bên B.

- Bên A có quyền ngưng cung cấp hàng nếu Bên B không thanh toán đúng hạn hoặc không thực hiện đúng các điều khoản trong hợp đồng đã ký kết.

**5.2**       Trách nhiệm của Bên B

- Tạo điều kiện cho Bên A giao hàng thuận lợi, nhanh chóng để Bên A bốc dỡ hàng hóa từ phương tiện vận chuyển của Bên A xuống công trình.

- Cử cán bộ có đủ trách nhiệm, quyền hạn lập phiếu nhập kho và ký biên bản giao nhận hàng sau khi đã nhận hàng.

- Kiểm tra chất lượng và số lượng hàng hóa do Bên A giao.

- Bên B có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng, yêu cầu bồi thường thiệt hại trong trường hợp Bên A vi phạm bất kỳ quy định nào của Hợp đồng này gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ công việc và gây thiệt hại cho Bên B.

- Thực hiện thanh toán đúng theo quy định tại Điều 3 của Hợp đồng

**Điều 6.  Bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm hợp đồng**

**6.1**Trong trường hợp mỗi bên thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này, bên vi phạm phải chịu trách nhiệm bồi thường cho những tổn thất mà bên kia phải gánh chịu do việc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ đó, bao gồm cả thiệt hại trực tiếp và gián tiếp xảy ra.

**6.2**Mỗi bên thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này còn phải chịu một khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng với số tiền ………………………………

**6.3**Nếu Bên A vi phạm về thời gian thực hiện Hợp đồng mà không do sự kiện bất khả kháng hoặc không do lỗi của Bên B gây ra, Bên A chịu phạt 0.1% giá trị của phần hàng chậm giao cho mỗi ngày giao chậm. Phần tiền phạt giao hàng chậm sẽ được trừ vào giá trị Hợp đồng khi thanh toán.

**6.4**Nếu Bên B chậm trễ trong việc thanh toán so với thời gian quy định mà không do lỗi của Bên A hoặc không do sự kiện bất khả kháng, Bên B phải trả phần lãi suất theo lãi vay ngắn hạn của ngân hàng tại thời điểm trên tổng số tiền chậm thanh toán. Phần tiền phạt thanh toán chậm sẽ được cộng vào khi thanh toán, tối đa không quá 07 ngày

**Điều 7:  Bảo mật**

**7.1**Các Bên có trách nhiệm phải giữ kín tất cả những thông tin liên quan tới Hợp đồng và Phụ lục Hợp đồng, thông tin khách hàng mà mình nhận được từ phía Bên kia trong suốt thời hạn của Hợp đồng.

**7.2**Mỗi Bên không được tiết lộ cho bất cứ Bên thứ ba nào bất kỳ thông tin nói trên trừ trường hợp được chấp thuận bằng văn bản của Bên kia hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

**7.3**Mỗi Bên phải tiến hành mọi biện pháp cần thiết để đảm bảo rằng không một nhân viên nào hay bất cứ ai thuộc sự quản lý của mình vi phạm điều khoản này.

**7.4**Điều khoản này vẫn còn hiệu lực ngay cả khi Hợp đồng này hết hiệu lực và hai bên không còn hợp tác.

**Điều 8:  Loại trừ trách nhiệm của mỗi bên**

**8.1**Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng khiến cho mỗi bên không thể thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo hợp đồng này thì trách nhiệm bồi thường thiệt hại của mỗi bên được loại trừ

**8.2**Sự kiện bất khả kháng là các sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được, mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết mà khả năng cho phép, bao gồm nhưng không giới hạn ở các sự kiện như thiên tai, hoả hoạn, lũ lụt, động đất, tai nạn, thảm hoạ, hạn chế về dịch bệnh, nhiễm hạt nhân hoặc phóng xạ, chiến tranh, nội chiến, khởi nghĩa, đình công hoặc bạo loạn, can thiệp của Cơ quan Chính phủ…

**8.3**Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, mỗi bên phải nhanh chóng thông báo cho bên kia bằng văn bản về việc không thực hiện được nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng, và sẽ, trong thời gian 15 (mười lăm)  ngày kể từ ngày xảy ra Sự kiện bất khả kháng, chuyển trực tiếp hoặc bằng thư bảo đảm cho Bên kia các bằng chứng về việc xảy ra Sự kiện bất khả kháng và khoảng thời gian xảy ra Sự kiện bất khả kháng đó.

**8.4**Bên thông báo việc thực hiện Hợp đồng của họ trở nên không thể thực hiện được do Sự kiện bất khả kháng có trách nhiệm phải thực hiện mọi nỗ lực để giảm thiểu ảnh hưởng của Sự kiện bất khả kháng đó.

**8.5**Khi Sự kiện bất khả kháng xảy ra, thì nghĩa vụ của các Bên tạm thời không thực hiện và sẽ ngay lập tức phục hồi lại các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng khi chấm dứt Sự kiện bất khả kháng hoặc khi Sự kiện bất khả kháng đó bị loại bỏ.

**Điều 9: Sửa đổi, tạm ngừng thực hiện và chấm dứt Hợp đồng**

**9.1**Bất kỳ sửa đổi hoặc bổ sung nào đối với Hợp đồng sẽ chỉ có hiệu lực khi có thoả thuận bằng văn bản của Các Bên.

**9.2**Tạm ngừng thực hiện Hợp đồng:

…………………………………………………………………………………………………………

**9.1**Hợp đồng chấm dứt trong các trường hợp sau:

a)  Hợp đồng hết hạn và Các Bên không gia hạn Hợp đồng ; hoặc

b) Các Bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn; trong trường hợp đó, Các Bên sẽ thoả thuận về các điều kiện cụ thể liên quan tới việc chấm dứt Hợp đồng; hoặc

c) Một trong Các Bên ngừng kinh doanh, không có khả năng chi trả các khoản nợ đến hạn, lâm vào tình trạng hoặc bị xem là mất khả năng thanh toán, có quyết định giải thể, phá sản. Trong trường hợp này Hợp đồng sẽ kết thúc bằng cách thức do Hai Bên thoả thuận và/hoặc phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành; hoặc

**9.2**Chấm dứt Hợp đồng : Khi có nhu cầu chấm dứt Hợp đồng, hai Bên tiến hành đối soát, thanh toán hoàn thiện các khoản phí. Sau khi hai Bên hoàn thành nghĩa vụ của mình sẽ tiến hành ký kết Biên bản chấm dứt Hợp đồng.

**Điều 10.** **Giải quyết tranh chấp**

**10.1**Tất cả những phát sinh nếu có liên quan đến hợp đồng này sẽ được giải quyết bằng thương lượng.

**10.2**Trường hợp có tranh chấp xảy ra mà hai Bên không tự giải quyết thì một trong hai Bên sẽ chuyển vụ việc đến Tòa án có thẩm để giải quyết. Phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng buộc các bên phải chấp hành, án phí do bên có lỗi chịu sẽ do bên thua kiện trả, trừ phi có sự thỏa thuận của hai bên.

**Điều 11: Điều khoản quy định về hiệu lực và giải quyết tranh chấp hợp đồng**

**11.1**Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký đến hết ngày …/…/….

**11.2**Trong vòng một (01) tháng trước khi thời hạn hợp đồng kết thúc, nếu hai bên trong hợp đồng không có ý kiến gì thì hợp đồng này được tự động gia hạn 12 (Mười hai) tháng tiếp theo và chỉ được gia hạn 01 lần.

**Điều 12: LUÂT ĐIỀU CHỈNH:**
Hợp đồng này và bất kỳ tranh chấp, khiếu nại nào phát sinh tư hoặc liên quan đến đối tượng hoặc hình thức( Bao gồm cả các tranh chấp và/hoặc khiếu nại ngoài hợp đồng) sẽ được điều chỉnh và giải thích theo luật Việt Nam

**ĐIỀU 13 : ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

**13.1**Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản đã nêu trong Hợp đồng và Phụ lục hợp đồng (nếu có), không được đơn phương thay đổi hoặc hủy bỏ Hợp đồng (trừ trường hợp bất khả kháng). Mọi thay đổi nội dung Hợp đồng phải được thống nhất bằng văn bản có xác nhận của hai Bên.

**13.2**Hợp đồng có hiệu lưc kể từ ngày ký đến khi hai bên thực hiện đầy đủ trách nhiệm của mình và thống nhất thanh lý Hợp đồng.

**13.3** Trường hợp có tranh chấp xảy ra mà hai Bên không tự giải quyết thì một trong hai Bên sẽ chuyển vụ việc đến Tòa án có thẩm để giải quyết. Phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng buộc các bên phải chấp hành, án phí do bên có lỗi chịu

**13.4**Hợp đồng này được lập thành 04 (Bốn) bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 02 (hai) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản để thực hiện.

**ĐẠI DIỆN BÊN A                                                     ĐẠI DIỆN BÊN B**